

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU VÀ TẠO LẬP VĂN BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

VŨ THỊ DUNG*

Ngày nhận bài: 08/12/2016; ngày sửa chữa: 08/12/2016; ngày duyệt đăng: 12/12/2016.

Abstract: Designing a bank of questions for reading comprehension and texts building to develop competence for students at high school is to help students review knowledge to take regular tests and examinations and also apply knowledge to the real life. This bank of question is mentioned in this article in two sections including reading comprehension questions and texts building questions.

Keywords: Competence, knowledge, reading comprehension, texts building questions.

1. Đặt vấn đề

Để “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GD-ĐT), đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng đã nêu giải pháp: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục (GD) từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn...”. Theo đó, cần “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kĩ năng, phát triển năng lực” đồng thời “đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả GD, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan” [1]. Như vậy, có thể thấy, “đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT” theo định hướng phát triển năng lực người học là mục tiêu, là nhiệm vụ hàng đầu của GD nước ta hiện nay.

Sự ra đời và phát triển của lí luận dạy học (DH) hiện đại là nền tảng lí luận vững chắc mang tính định hướng đối với thực tiễn đổi mới GD của Việt Nam. Lí luận DH hiện đại xác định phát triển năng lực (competency) là yêu cầu quan trọng của mục tiêu GD. Theo đó, thay vì trang bị cho người học hệ thống tri thức khoa học khách quan về nhiều lĩnh vực khác nhau, chương trình GD định hướng năng lực thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho con người

năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp.

DH định hướng năng lực đòi hỏi một quan điểm đồng bộ từ thay đổi mục tiêu, nội dung, phương pháp DH và đánh giá, trong đó việc thay đổi quan niệm và cách thức xây dựng nhiệm vụ, câu hỏi có vai trò quan trọng. Trong quá trình DH, giáo viên (GV) cần biết xây dựng các câu hỏi định hướng năng lực. Nói cách khác, câu hỏi là một thành phần trong môi trường học tập mà GV cần tổ chức và xây dựng nhằm phát triển năng lực tư duy cho người học, đưa người học tham gia vào việc học thực sự. Việc xây dựng được một hệ thống câu hỏi có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm kích thích tư duy sáng tạo của người học.

Trên thực tế, chương trình GD hiện hành của chúng ta chủ yếu được triển khai theo định hướng nội dung. Theo Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường [2; tr 207], các nghiên cứu thực tiễn về câu hỏi, bài tập trong chương trình GD định hướng nội dung đã chỉ ra những khiếm khuyết của văn hóa câu hỏi truyền thống như sau: - Tiếp cận một chiều, ít thay đổi cách hỏi trong việc xây dựng câu hỏi, thường là các câu hỏi đóng; - Thiếu những tham chiếu ứng dụng, chuyển giao cái đã học sang các vấn đề chưa biết cũng như các tình huống thực tiễn đời sống; - Kiểm tra thành tích là chính, chú trọng các thành tích nhớ và hiểu ngắn hạn; - Quá ít nhấn mạnh hoạt động ôn tập thường xuyên và bỏ qua sự kết nối giữa kiến thức/kĩ năng đã biết và kiến thức/kĩ năng mới; - Chưa chú trọng kết nối với các nội dung học ở thời gian trước; - Tính tích lũy của việc học không được lưu ý đến hệ thống kiến thức/kĩ năng và hình thành năng lực.

* Trường Trung học phổ thông Ân Thi - Hưng Yên

Những hạn chế trên đây của “văn hóa câu hỏi” truyền thống trong chương trình GD định hướng nội dung đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ cấp bách: Phải xây dựng được một hệ thống câu hỏi nhằm phát triển năng lực của học sinh (HS).

Đáp ứng yêu cầu “đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT”, hướng tới mục tiêu phát triển năng lực HS theo tinh thần của lí luận DH hiện đại, đồng thời xuất phát từ đặc thù của môn *Ngữ văn*, chúng tôi đề xuất việc xây dựng hệ thống câu hỏi đọc hiểu và tạo lập văn bản theo định hướng phát triển năng lực HS.

2. Một số vấn đề về hệ thống câu hỏi đọc hiểu và tạo lập văn bản

Việc xây dựng hệ thống câu hỏi đọc hiểu và tạo lập văn bản theo định hướng phát triển năng lực HS được coi là một trong những trọng trách của GV hiện nay, nhằm mục đích vận dụng những tri thức mà HS được trang bị trong quá trình học tập vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống. Theo tinh thần đó, chúng tôi đã xây dựng một hệ thống câu hỏi đọc hiểu và tạo lập văn bản nhằm giúp HS ôn luyện bám sát các bài học đã học trong chương trình, đồng thời giúp HS chủ động đáp ứng có hiệu quả các bài tập kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì theo các mục đích đánh giá khác nhau. Hệ thống câu hỏi, bài tập này gồm hai phần: câu hỏi thực hành phần *đọc hiểu* và câu hỏi thực hành phần *tạo lập văn bản*.

2.1. Câu hỏi thực hành phần đọc hiểu giúp HS nắm được thể nào là hiểu một văn bản/ đoạn trích, các yêu cầu và hình thức kiểm tra cụ thể về đọc hiểu. Các câu hỏi phần đọc hiểu thường tập trung vào một số khía cạnh như: - Thông tin chính về tác giả, văn bản/ đoạn trích (xuất xứ/ hoàn cảnh ra đời, bố cục, nội dung chính và các thông tin quan trọng...); - Hiểu ý nghĩa của văn bản/ đoạn trích, tên văn bản/ đoạn trích...; - Các biện pháp tu từ/ phong cách ngôn ngữ chức năng/ phép liên kết/ phương thức biểu đạt/ thao tác lập luận... và ý nghĩa/ tác dụng của chúng; - Thể loại/ đề tài, chủ đề/ nhân vật, sự kiện, chi tiết, hình ảnh... nổi bật của văn bản và ý nghĩa/ tác dụng của chúng.

Ví dụ: (1) Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu sau:

*“Cây em em có chịu lời/ Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa./
Giữa đường đứt gánh tương tư,/ Keo loan chắp mối tơ thừa
mặc em./ Kể từ khi gặp chàng Kim,/ Khi ngày quạt ước khi
đêm chén thề./ Sự đâu sóng gió bất kì,/ Hiếu tình khôn lẽ
hai bề ven hai./ Ngày xuân em hãy còn dài,/ Xót tình máu
mủ thay lời nước non./ Chị dù thịt nát xương mòn,/ Ngậm
cười chín suối hãy còn thơm lây./ Chiếc vành với bức tờ*

*mây,/ Duyên này thì giữ vật này của chung./ Dù em nên vợ
nên chồng,/ Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên./ Mất
người còn chút của tin,/ Phím đàn với mảnh hương nguyên
ngày xưa...”*. (Bài *Trao duyên*, trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, **Ngữ văn 10**, tập 2, tr 104).

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Nêu nội dung chính và bố cục của đoạn.

Câu 3. Chỉ ra ý nghĩa biểu đạt và ý nghĩa biểu cảm của các từ ngữ “*cây*”, “*chịu*”, “*lạy*”, “*thưa*”.

Câu 4. Vì sao Thúy Kiều chỉ kể vắn tắt mối tình của nàng với Kim Trọng?

Câu 5. Nêu hiệu quả nghệ thuật của các điển tích *keo loan*, *tơ duyên* cùng các thành ngữ *tình máu mủ*, *lời nước non*, *thịt nát xương mòn*, *ngậm cười chín suối*...

Câu 6. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu thơ: “*Duyên này thì giữ vật này của chung*”?

Câu 7. Vì sao Thúy Kiều lại nhận mình là *người mệnh bạc*?

Câu 8. Cảm nhận của anh/chị về nỗi lòng tâm trạng của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân.

(2) Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu sau:

*Tôi muốn tắt nắng đi/ Cho màu đừng nhạt mất;/ Tôi
muốn buộc gió lại/ Cho hương đừng bay đi./ Của ong
bướm này đây tuần tháng mật;/ Này đây hoa của đồng nội
xanh rì;/ Này đây lá của cành tơ phơ phất;/ Của yến anh
này đây khúc tình si;/ Và này đây ánh sáng chớp hàng mi/
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa;/ Tháng giêng
ngon như một cặp môi gần.* (Bài *Vội vàng*, Xuân Diệu, **Ngữ văn 11**, tập 2, tr 22).

Câu 1. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm *Vội vàng* của Xuân Diệu. Giới thiệu vài nét về nhà thơ.

Câu 2. Các phương thức biểu đạt nào đã được kết hợp sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2. Vì sao nhân vật trữ tình lại muốn *tắt nắng, buộc gió*?

Câu 3. Sự thay đổi số tiếng trong câu thơ từ năm tiếng (bốn dòng đầu) sang tám tiếng (bảy dòng sau) có ý nghĩa gì?

Câu 4. Nêu tác dụng của điệp ngữ *này đây*.

Câu 5. Từ các hình ảnh *ong bướm*, *tuần tháng mật*, *hoa của đồng nội*, *lá của cành tơ*, *yến anh*, *khúc tình si*, nêu cảm nhận về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên mùa xuân.

Câu 6. Quan niệm về cái đẹp được Xuân Diệu thể hiện trong những câu thơ nào? Quan niệm đó có gì khác biệt với quan niệm của các nhà thơ trung đại?

Câu 7. Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp tâm hồn của thi sĩ Xuân Diệu được thể hiện trong đoạn thơ trên (trình bày khoảng 8-10 dòng).

(3) Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời. Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang lừ lừ những cánh quạt đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dũng cảm dám ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà - từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoáy tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn. (Bài Người lái đò Sông Đà, Ngữ văn 12, tập 1, tr 186-187).

Câu 1. Đoạn trích trên được rút từ tùy bút *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân). Giới thiệu vài nét về thể loại tùy bút.

Câu 2. Nêu các ý chính của đoạn.

Câu 3. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 4. Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng rất thành công biện pháp tu từ so sánh. Tìm các câu văn có sử dụng nghệ thuật so sánh và nêu tác dụng của chúng.

Câu 5. Sự nham hiểm, táo tợn của những cái hút nước trên Sông Đà đã được tác giả khắc họa như thế nào?

Câu 6. Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của câu văn in đậm (trình bày khoảng 8-10 dòng).

2.2. Câu hỏi tạo lập văn bản thường yêu cầu HS thể hiện khả năng vận dụng những kĩ năng viết đã học để tạo lập văn bản về một vấn đề xã hội hoặc/và tác phẩm, trích đoạn văn học nào đó theo hướng mở và tích hợp trong môn và liên môn, tập trung vào một số khía cạnh như: - Tri thức về văn bản viết (kiểu loại văn bản, cấu trúc văn bản, quá trình viết), nhận thức đúng nhiệm vụ và yêu cầu của đề văn; - Các kĩ năng viết (đúng chính tả; ngữ pháp, viết theo phong cách ngôn ngữ viết, sử dụng từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp trong bài viết; lập dàn ý và phát triển ý; bộc lộ quan điểm, tư duy một cách độc lập, đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật...); - Khả năng viết các loại văn bản phù hợp với mục đích, đối tượng, hoàn cảnh của các tình huống khác nhau (vận dụng vào thực tiễn học tập và đời sống).

Ví dụ:

(4) Câu hỏi tạo lập văn bản cho đoạn trích *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Câu 1. Anh/Chị hãy giới thiệu về tác gia văn học Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều*.

Câu 2. Về trích đoạn *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du), có ý kiến cho rằng: *Việc dứt tình trao duyên cho Thúy Vân chứng tỏ tình cảm Thúy Kiều dành cho Kim Trọng thật hời hợt, nông cạn. Ý kiến khác lại khẳng định: Thúy Kiều dù phải trao duyên cho Thúy Vân nhưng tình yêu nàng dành cho chàng Kim vẫn cực kì sâu đậm, với Kiều, hạnh phúc của người mình yêu mới là điều hơn hết.*

Từ cảm nhận về đoạn trích *Trao duyên*, hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về các ý kiến trên.

Câu 3. Phân tích trích đoạn *Trao duyên* (trích

Truyện Kiều) để thấy được tấm lòng và tài năng của đại thi hào Nguyễn Du.

(5) Câu hỏi tạo lập văn bản cho bài thơ *Vội vàng* - Xuân Diệu

Câu 1. Cảm nhận của anh/chị về quan niệm thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ *Vội vàng*.

Câu 2. Có ý kiến cho rằng: “*Vội vàng*” thể hiện niềm khát khao giao cảm với đời mãnh liệt của Xuân Diệu. Ý kiến khác khẳng định: *Bài thơ cho thấy quan niệm nhân sinh, thẩm mỹ mới mẻ của thi nhân*.

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về các ý kiến trên.

Câu 3. Xuân Diệu giải bày về tập *Thơ thơ*: *Đây là hồn tôi vừa lúc vang ngân; đây là lòng tôi đương thời sôi nổi; đây là tuổi xuân của tôi và đây là sự sống của tôi nữa*.

Theo anh/chị, những ý tưởng thi ca đó đã in dấu ấn như thế nào trong bài thơ *Vội vàng*?

Câu 4. Nhận xét về bài thơ *Vội vàng*, có ý kiến cho rằng: *Tác phẩm là sự kết hợp hài hòa giữa mạch cảm xúc dồi dào và mạch triết luận sâu sắc*.

Anh/chị có đồng tình với ý kiến trên? Hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình.

Câu 5. Từ thái độ sống vội vàng của Xuân Diệu trong bài thơ cùng tên, hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về thái độ sống của giới trẻ hiện nay.

(6) Câu hỏi tạo lập văn bản cho trích đoạn *Người lái đò Sông Đà* - Nguyễn Tuân

Câu 1. Cảm nhận của anh/chị về **một** vẻ đẹp của hình tượng Sông Đà trong trích đoạn tùy bút *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân).

Câu 2. Nhận xét về hình tượng người lái đò trong thiên tùy bút *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân, có ý kiến cho rằng: *Trong cuộc chiến đấu không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc, ông đò là vị chỉ huy trí dũng tuyệt vời*. Ý kiến khác lại cho rằng: *Trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh, ông đò là người nghệ sĩ có “tay lái ra hoa”*.

Bằng cảm nhận về hình tượng người lái đò, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về các ý kiến trên.

Câu 3. “*Người lái đò Sông Đà*” là một áng văn đẹp được làm nên từ tình yêu đất nước say đắm, thiết tha của một con người muốn dùng văn chương để ca ngợi vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình thơ mộng của thiên nhiên và nhất là của con người lao động bình dị ở miền Tây Bắc.

Từ trích đoạn được học trong thiên tùy bút *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân, anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

3. Kết luận

Trong cuộc sống nói chung, việc đặt ra các câu hỏi là một phương thức thể hiện của tư duy. Theo đó, việc đặt ra/tổ chức hệ thống câu hỏi đọc hiểu và tạo lập văn bản từ chính bài đọc/bài học là một phương hướng thực hành thiết thực, gắn bài học với cuộc sống (hay nói cách khác là vận dụng những điều đã học để giải quyết tình huống thực tiễn).

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu “đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT” được đặt ra như một nhiệm vụ cấp bách đòi hỏi sự nỗ lực đồng thời xuất phát từ rất nhiều phía. Nếu từ phía GV - những người giữ vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn HS tham gia bài học một cách tích cực, chủ động và đúng cách - sẽ góp phần thiết thực cho đổi mới phương pháp DH Ngữ văn trong nhà trường.

Người ta không thể dạy một người nào đó mà chỉ có thể giúp đỡ để người đó tự mình khám phá (Galileo Galilei), điều đó cũng có nghĩa rằng: việc DH chỉ thực sự có ý nghĩa khi GV làm công việc khai mở, truyền cảm hứng sáng tạo cho HS chủ động tự kiếm tìm phương án tiếp cận kiến thức để hình thành và phát triển năng lực của bản thân. Chúng tôi thực sự tin tưởng rằng việc xây dựng được một hệ thống câu hỏi đọc hiểu và tạo lập văn bản trên đây là một trong những *cách thức* hiệu quả để GV giúp đỡ người học tự phát triển năng lực của mình. □

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

[2] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] Phan Trọng Luận (tổng chủ biên) (2015). *Ngữ văn 10, 11, 12*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Pasi Sahlberg (2011). *Finnish lessons* - Columbia University, New York and London.

[5] Nguyễn Trọng Hoàn (2004). *Hình thành năng lực đọc cho học sinh trong dạy học Ngữ văn*. Tạp chí Giáo dục, số 79, tr 18-19.

[6] Nguyễn Trọng Hoàn (2006). *Một số ý kiến về đọc hiểu văn bản Ngữ văn ở trường phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 143, tr 30-31.